

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|---|--|---|---|
| 9h15 | <i>Hiệu quả giảm đau của gậy tê cạnh cột sống ngực dưới hướng dẫn của siêu âm trong phẫu thuật lồng ngực một bên ở trẻ em</i> | <i>Kết quả theo dõi can thiệp đặt stent Fred điều trị phình động mạch cảnh trong phức tạp</i> | <i>Ứng dụng giải trình tự gen thế hệ mới để phân tích đột biến gen trong hội chứng rối loạn sinh tủy</i> | <i>Mối liên quan giữa gen HLA-B với hội chứng Stevens Johnson và hoại tử thượng bì nhiễm độc ở người Việt Nam</i> |
| | Thiều Tăng Thắng-NCS.35 | Nguyễn Thái Bình-NCS.34 | Nguyễn Quang Hào-NCS.35 | Trần Thị Huyền-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu tác dụng vô cảm trong mổ và giảm đau sau mổ của gậy tê cạnh cột sống ngực kết hợp gậy mê cho mổ ngực một bên ở trẻ em | Nghiên cứu đánh giá tính an toàn và hiệu quả của Stent đối hướng dòng chảy FRED trong điều trị phình động mạch cảnh trong phức tạp | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và kết quả một số phác đồ điều trị hội chứng rối loạn sinh tủy tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương | Xác định một số gen, phân tử có liên quan đến hội chứng SJS/TEN ở người Việt Nam |
| CN | Gây mê hồi sức | Chẩn đoán hình ảnh | Huyết học -Truyền máu | Da liễu |
| CBHD | PGS.TS. Công Quyết Thắng | GS.TS. Phạm Minh Thông | PGS.TS. Vũ Minh Phương TS. Dương Quốc Chính | PGS.TS. Phạm Thị Lan GS. Riichiro Abe |
| 9h30 | <i>Hiệu quả giảm đau của phương pháp gây tê mặt dưới cơ dựng sống (esp) block dưới hướng dẫn siêu âm cho phẫu thuật tim ít xâm lấn có nội soi</i> | <i>Giá trị cộng hưởng từ trong chẩn đoán giai đoạn T và N của ung thư vòm họng</i> | <i>Kết quả điều trị lơ xô mi kinh dòng lympho bằng phác đồ FCR tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương</i> | <i>Mối liên quan giữa thực hành chăm sóc dinh dưỡng giai đoạn sơ sinh đến béo phì ở trẻ mầm non quận Hoàng Mai - Hà Nội</i> |
| | Dương Thị Hoan-NCS.36 | Lâm Đông Phong-NCS.33 | Vũ Quang Hưng-NCS.35 | Đỗ Nam Khánh-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu tác dụng giảm đau của phương pháp gây tê mặt dưới cơ dựng sống (ESP) block dưới hướng dẫn siêu âm cho phẫu thuật tim ít xâm lấn có nội soi | Nghiên cứu chẩn đoán giai đoạn ung thư vòm họng trên chụp cộng hưởng từ | Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và kết quả điều trị bệnh Lơ xô mi kinh dòng lympho bằng phác đồ FCR tại Viện Huyết học Truyền máu Trung ương | Nghiên cứu thực trạng thừa cân béo phì và một số đặc điểm gen, thói quen dinh dưỡng, hoạt động thể lực ở trẻ em |
| CN | Gây mê hồi sức | Chẩn đoán hình ảnh | Huyết học -Truyền máu | Dinh dưỡng |
| CBHD | GS.TS. Nguyễn Hữu Tú | GS.TS. Trần Đức Kiệt TS. Trần Thanh Phương | PGS.TS. Nguyễn Hà Thanh TS. Dương Quốc Chính | GS.TS. Lê Thị Hương PGS.TS. Trần Quang Bình |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|--|---|---|---|
| 9h45 | <i>Phân tích đặc điểm hình thái, cơ chế vỡ xương sọ do tai nạn giao thông đường bộ qua giám định y pháp</i> | <i>Đánh giá kết quả sử dụng các dạng vật dùi trước ngoài tự do trong tạo hình các khuyết phần mềm bàn tay</i> | <i>Hiệu quả phác đồ methotrexate liều cao phối hợp rituximab trong điều trị u lympho không Hodgkin não nguyên phát tế bào B lớn lan tỏa tại Bệnh viện Chợ Rẫy</i> | <i>Các giá trị áp lực hậu môn trực tràng bình thường trên máy đo độ phân giải cao ở người Việt Nam trưởng thành</i> |
| | Nguyễn Tuấn Anh-NCS.37 | Nguyễn Vũ Hoàng-NCS.36 | Hoàng Thị Thúy Hà-NCS.34 | Nguyễn Ngọc Ánh-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu hình thái vỡ xương sọ và mối liên quan với tổn thương nội sọ do tai nạn giao thông đường bộ | Nghiên cứu sử dụng các dạng vật dùi trước ngoài tự do trong tạo hình khuyết phần mềm bàn tay | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hiệu quả điều trị phác đồ Methotrexate liều cao phối hợp Rituximab trong điều trị lymphoma não nguyên phát tế bào B lớn lan tỏa | Nghiên cứu giải phẫu và sinh lý các cơ thắt hậu môn ở người Việt Nam trưởng thành và ứng dụng lâm sàng |
| CN | Giải phẫu bệnh và Phẫu y | Chấn thương chỉnh hình và tạo hình | Huyết học -Truyền máu | Giải phẫu người |
| CBHD | PGS.TS. Dương Đại Hà TS. Lưu Sỹ Hùng | GS.TS. Trần Thiết Sơn | GS.TS. Phạm Quang Vinh PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn | PGS.TS. Lê Đình Tùng PGS.TS. Ngô Xuân Khoa |
| 10h00 | <i>Đặc điểm mô bệnh học, hóa mô miễn dịch và một số yếu tố tiên lượng của sarcôm mỡ tại Bệnh viện Việt Đức</i> | <i>Kết quả thay khớp vai bán phần có xi măng điều trị gãy phức tạp đầu trên xương cánh tay</i> | <i>Kết quả điều trị theo phân nhóm nguy cơ ở bệnh nhân đa u tủy xương</i> | <i>Bộ câu hỏi SARC-F: phương pháp sàng lọc đơn giản sarcopenia ở bệnh nhân cao tuổi</i> |
| | Hồ Đức Thường-NCS.34 | Nguyễn Ngọc Sơn-NCS.35 | Hàn Việt Trung-NCS.34 | Nguyễn Ngọc Tâm-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu mô bệnh học, hóa mô miễn dịch và một số yếu tố tiên lượng của sarcôm mô mềm thường gặp | Nghiên cứu phẫu thuật thay khớp vai bán phần có xi măng điều trị gãy phức tạp đầu trên xương cánh tay | Nghiên cứu đặc điểm và giá trị của các yếu tố tiên lượng tới kết quả của một số phác đồ điều trị đa u tủy xương từ 2015 - 2018 | Nghiên cứu áp dụng một số phương pháp sàng lọc sarcopenia ở bệnh nhân cao tuổi |
| CN | Giải phẫu bệnh và Phẫu y | Chấn thương chỉnh hình và tạo hình | Huyết học -Truyền máu | Nội tiết |
| CBHD | PGS.TS. Lê Đình Roanh | PGS.TS. Đào Xuân Tích | PGS.TS. Nguyễn Minh Phương | PGS.TS. Vũ Thị Thanh Huyền GS.TS. Phạm Thắng |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019-TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|---------------|--|--|--|---|
| 10h15 | Giải phẫu đám rối cánh tay ở người Việt nam trưởng thành | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến phổi | Phát hiện một đột biến mới của gen CDH1 trong gia đình bệnh nhân ung thư dạ dày lan tỏa di truyền | Giá trị bình thường của các thông số siêu âm phản ánh chức năng tim thai ở tam cá nguyệt thứ 3 |
| | Vũ Thành Trung-NCS.35 | Phạm Thị Mai-NCS.36 | Nguyễn Thị Thanh Hương-NCS.35 | Nguyễn Thị Duyên-NCS.35 |
| Đề tài | Nghiên cứu giải phẫu đám rối thần kinh cổ, đám rối thần kinh cánh tay và thần kinh XI ở người Việt Nam trưởng thành | Nghiên cứu tình trạng đột biến gen EGFR ở mức độ RNA trên bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến phổi | Nghiên cứu đột biến gen CDH1 (E-cadherin) trên bệnh nhân ung thư dạ dày lan tỏa di truyền | Giá trị bình thường của các thông số siêu âm phản ánh chức năng tim thai ở tam cá nguyệt thứ 3 |
| CN | Giải phẫu người | Ung thư | Hóa sinh y học | Nội tim mạch |
| CBHD | PGS.T. Nguyễn Văn Huy TS. Nguyễn Việt Ngọc | PGS.TS. Vũ Hồng Thăng PGS.TS. Nguyễn Văn Ba | PGS.TS. Đặng Thị Ngọc Dung | PGS.TS. Trương Thanh Hương |
| 10h30 | So sánh kết quả đánh giá giai đoạn ung thư biểu mô trực tràng giữa cộng hưởng từ và giải phẫu bệnh | Đánh giá hiệu quả bước đầu và tính an toàn của phác đồ hoá trị 4AC - 4P liều dày trong điều trị hỗ trợ ung thư vú | Nghiên cứu nồng độ homocysteine, folate huyết thanh ở phụ nữ có bất thường sinh sản | Sự phổ biến của ngã và các vấn đề sức khỏe sau ngã trên bệnh nhân cao tuổi tại Bệnh viện Lão khoa Trung ương |
| | Nguyễn Minh Trọng-NCS.35 | Phạm Tuấn Anh-NCS.35 | Trịnh Thị Quế-NCS.35 | Hà Thị Vân Anh-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu chỉ số diện cắt chu vi vòng quanh bằng cộng hưởng từ và giải phẫu bệnh trong điều trị phẫu thuật ung thư biểu mô trực tràng | Đánh giá hiệu quả phác đồ hoá chất 4AC - 4P liều dày trong điều trị hỗ trợ ung thư vú | Nghiên cứu mối liên quan giữa nồng độ folate, homocystein huyết thanh và một số đa hình gen MTHFR (Methylene - Tetra - Hydro - Folate - Reductase) ở phụ nữ có bất thường sinh sản | Nghiên cứu ngã và các yếu tố nguy cơ ngã trên bệnh nhân cao tuổi |
| CN | Ngoại tiêu hóa | Ung thư | Hóa sinh y học | Nội xương khớp |
| CBHD | PGS.TS. Nguyễn Xuân Hùng PGS.TS. Phạm Hoàng Hà | GS.TS. Trần Văn Thuấn TS. Lê Thanh Đức | GS.TS. Tạ Thành Văn TS. Đoàn Thị Kim Phượng | PGS.TS. Vũ Thị Thanh Huyền GS.TS. Phạm thắng |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|---------------|--|---|---|---|
| 10h45 | Phẫu thuật thay van hai lá ít xâm lấn có nội soi hỗ trợ qua đường ngực phải điều trị bệnh lý van hai lá do thấp Phạm Quốc Đạt-NCS.36 | Đánh giá những ưu điểm về phân bố liều xạ của kỹ thuật xạ điều biến liều so với 3d trong điều trị ung thư vú bảo tồn tại bệnh viện K Nguyễn Công Hoàng-NCS.35 | Xác định đột biến gen LDLR gia đình bệnh nhân tăng cholesterol máu có tính chất gia đình Hoàng Thị Yên-NCS.35 | Hiệu quả điều trị bổ sung Testosterone dạng gel trên bệnh nhân giảm dự trữ buồng trứng Hoàng Quốc Huy-NCS.36 |
| Đề tài | Đánh giá kết quả thay van hai lá bằng phẫu thuật ít xâm lấn có nội soi hỗ trợ qua đường ngực phải tại bệnh viện Bạch Mai | Nghiên cứu kết quả xạ trị điều biến liều với collimator đa lá cho bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-II đã được phẫu thuật bảo tồn và hóa chất hỗ trợ | Nghiên cứu đột biến gen LDLR ở người có tăng Cholesterol máu gia đình | Hiệu quả điều trị bổ sung Testosterone dạng gel trên bệnh nhân giảm dự trữ buồng trứng |
| CN | Ngoại lồng ngực | Ung thư | Hóa sinh y học | Sản phụ khoa |
| CBHD | PGS.TS. Nguyễn Như Ước | PGS.TS. Vũ Hồng Thăng TS. Lê Hồng Quang | PGS.TS. Đặng Thị Ngọc Dung | GS.TS. Nguyễn Viết Tiến PGS.TS. Hồ Sỹ Hùng |
| 11h00 | Đặc điểm hình thái đầu mặt ở trẻ em người kinh 7 tuổi bằng phương pháp đo trực tiếp Trương Đình Khởi-NCS.35 | Ảnh hưởng tiên lượng của phân nhóm tế bào B trung tâm mầm và không trung tâm mầm ở bệnh nhân u lymphô tế bào b lớn lan tỏa, CD20(+) điều trị bằng phác đồ R-CHOP Lưu Vũ Hùng-NCS.35 | Sự thay đổi tế bào máu ngoại vi bệnh nhân ung thư biểu mô vòm mũi họng Nguyễn Thị Hồng Gấm-NCS.34 | Tính phù hợp và khả thi của việc triển khai hệ thống tin nhắn hỗ trợ cai thuốc lá cho người hút thuốc lá tại Hà Nội Đoàn Thị Huệ-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu đặc điểm nhân trắc và sự tăng trưởng đầu mặt ở trẻ em người Kinh từ 7 đến 9 tuổi | Nghiên cứu kết quả xạ trị điều biến liều với collimator đa lá cho bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-II đã được phẫu thuật bảo tồn và hóa chất hỗ trợ | Đặc điểm methyl hóa và sự biểu lộ một số gen ức chế ung thư trong ung thư biểu mô vòm mũi họng | Hiệu quả của chương trình can thiệp cai thuốc lá bằng hệ thống tin nhắn hỗ trợ |
| CN | Răng Hàm Mặt | Ung thư | Dị ứng và Miễn dịch | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Lương Ngọc Khuê PGS.TS. Đào Thị Dung | PGS.TS. Nguyễn Quang Tùng TS. Phạm Công Dũng | TS. Nguyễn Văn Đô TS. Nguyễn Thanh Bình | PGS.TS. Kim Bảo Giang TS. Nguyễn Trương Nam |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|--|--|--|--|
| 11h15 | Kết quả trị liệu ngữ âm trên trẻ sau phẫu thuật khe hở môi vòm miệng | So sánh chất lượng noãn, phôi và tỷ lệ có thai giữa hai phác đồ FLARE-UP và GNRH Antagonist trên bệnh nhân tiền lượng đáp ứng kém với kích thích buồng trứng tại Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản Quốc gia | Đặc điểm khí máu động mạch trong đợt cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính | Đánh giá tiềm năng tăng cường hỗ trợ quản lý các bệnh đái tháo đường & tăng huyết áp bằng MHEALTH và mạng lưới cộng đồng cho người trưởng thành tại Hà Nội |
| | Nguyễn Hoàng Oanh-NCS.34 | Nguyễn Anh Thơ-NCS.33 | Hoàng Thủy-NCS.34 | Nguyễn Hữu Tú-NCS.36 |
| Đề tài | Đánh giá kết quả trị liệu ngữ âm trên trẻ sau phẫu thuật khe hở môi vòm miệng | Nghiên cứu hiệu quả của phác đồ kích thích buồng trứng Flare-up và Antagonist trên bệnh nhân có tiền lượng đáp ứng kém trong thụ tinh ống nghiệm | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số căn nguyên vi khuẩn trong đợt cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính | Đánh giá hiệu quả của ứng dụng điện thoại thông minh trong hỗ trợ quản lý bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường trong nhóm người bệnh tình nguyện điều trị ngoại trú tại BVĐK Đống Đa |
| CN | Răng Hàm Mặt | Sản Phụ khoa | Lao | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Phạm Dương Châu GS.TS. Cao Minh Châu | GS.TS. Nguyễn Việt Tiến PGS.TS. Nguyễn Xuân Hợi | PGS.TS. Nguyễn Đình Tiến | PGS.TS. Trần Xuân Bách TS. Hà Anh Đức |
| 11h30 | Kết quả trắc nghiệm tâm lý chẩn đoán rối loạn tâm thần đồng diễn ở người bệnh nghiện rượu | Đa hình gen sửa chữa DNA RAD51 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng | Xác định tỷ lệ và nguy cơ mắc lao tiềm ẩn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Bạch Mai | Tái tạo van động mạch chủ theo phương pháp Ozaki: kết quả sớm tại Bệnh viện E |
| | Nguyễn Thị Phương Mai-NCS.36 | Lê Nguyễn Trọng Nhân-NCS.35 | Trần Thu Trang-NCS.35 | Ngô Thành Hưng-NCS.37 |
| Đề tài | Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến tái nghiện rượu ở những người bệnh đã được điều trị tại Viện Sức khỏe Tâm thần | Nghiên cứu tính đa hình thái đơn nucleotid (SNP) và đột biến một số gen trong ung thư buồng trứng | Nghiên cứu tỷ lệ mắc, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị và truyền thông bệnh lao của nhân viên y tế tại Bệnh viện Bạch Mai | Đánh giá kết quả phẫu thuật tái tạo van động mạch chủ bằng phương pháp Ozaki điều trị bệnh van động mạch chủ đơn thuần tại Bệnh viện E |
| CN | Tâm thần | Sản Phụ khoa | Nội hô hấp | Ngoại lồng ngực |
| CBHD | PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn PGS.TS. Kim Bảo Giang | GS.TS. Nguyễn Việt Tiến | PGS.TS. Chu Thị Hạnh PGS.TS. Vũ Văn Giáp | PGS.TS. Đoàn Quốc Hưng GS. Camilleri Lionel |

11h45

NGHỈ TRƯA

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 – HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|---------------|--|---|---|--|
| 13h30 | Biến đổi hình thái và chức năng thất phải ở bệnh nhân tổn thương van hai lá nặng có kèm theo hở van ba lá vừa đến nhiều | Đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ của u dây thần kinh V | Các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ nặng của hội chứng ngừng thở khi ngủ do tắc nghẽn trên trẻ có amyđan và/hoặc VA quá phát | Hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục dinh dưỡng và bổ sung viên sắt đến cải thiện tình trạng dinh dưỡng và thiếu máu của phụ nữ 20-35 tuổi người dân tộc Tày tại huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên |
| | Trần Hải Yến-NCS.35 | Nguyễn Đức Anh-NCS.35 | Phí Thị Quỳnh Anh-NCS.35 | Trần Thị Hồng Vân-NCS.35 |
| Đề tài | Thay đổi chức năng thất phải và mức độ hở van ba lá trên siêu âm tim ở bệnh nhân phẫu thuật van hai lá có tạo hình van ba lá | Đánh giá kết quả phẫu thuật khối u dây thần kinh V | Đánh giá hiệu quả điều trị hội chứng ngừng thở do tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em có amyđan quá phát | Đánh giá hiệu quả giải pháp can thiệp bằng truyền thông giáo dục dinh dưỡng và bổ sung viên sắt trên phụ nữ độ tuổi 20-35 người dân tộc tày tại một số xã Huyện Phú Lương Tỉnh Thái Nguyên |
| CN | Nội tim mạch | Ngoại Thần kinh sọ não | Nhi khoa | Dinh dưỡng |
| CBHD | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang TS. Dương Đức Hùng | PGS.TS. Phạm Hòa Bình | PGS.TS. Trần Minh Điền GS.TS. Nguyễn Đình Phúc | GS.TS. Lê Thị Hương |
| 13h45 | Báo cáo trường hợp đột biến mới D252N trên gen SCN5A ở bệnh nhân hội chứng Brugada | Kết quả phẫu thuật nội soi sau phúc mạc trị điều trị hẹp niệu quản sau tĩnh mạch chủ dưới | Vai trò surfactant trong bệnh lý suy hô hấp ở trẻ sơ sinh | Thực trạng bạo lực học đường và xâm hại tình dục ở trẻ vị thành niên từ 12-15 tuổi tại trường trung học cơ sở Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội |
| | Đặng Duy Phương-NCS.35 | Hoàng Văn Hậu-NCS.35 | Chu Lan Hương-NCS.35 | Ngô Toàn Anh-NCS.36 |
| Đề tài | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đột biến gen SCN5A ở bệnh nhân hội chứng Brugada | Nghiên cứu ứng dụng và đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi sau phúc mạc tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ dưới | Kết quả điều trị surfactant trong một số bệnh lý gây suy hô hấp ở trẻ sơ sinh và các yếu tố liên quan | Nghiên cứu can thiệp phòng chống bạo lực và xâm hại tình dục học đường bằng các ứng dụng di động thông minh |
| CN | Nội tim mạch | CN: Ngoại Thận -tiết niệu | Nhi khoa | Y tế công cộng |
| CBHD | GS.TS. Đỗ Doãn Lợi Trần Huy Thịnh | PGS.TS. Đỗ Trường Thành | PGS.TS. Khu Thị Khánh Dung | PGS.TS. Trần Xuân Bách |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019-TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Ngày 19 tháng 11 năm 2019

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|---------------|---|--|--|---|
| 14h00 | Kết quả điều trị phan môi trên bám bất thường bằng laser diode ở trẻ em từ 7 đến 11 tuổi tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba | Phân tích chỉ định và kết quả phẫu thuật nội soi điều trị u tuyến thượng thận lạnh tính không triệu chứng | Tình trạng kiểm soát hen ở trẻ em hen phế quản có viêm mũi dị ứng | Các chỉ số xét nghiệm và điều trị HIV/AIDS trên bệnh nhân HIV/AIDS mới điều trị tại một số tỉnh năm 2016 - 2018 |
| | Phùng Thị Thu Hà-NCS.34 | Nguyễn Thành Vinh-NCS.34 | Nguyễn Trần Ngọc Hiếu-NCS.35 | Đào Thị Thuỳ Linh-NCS.35 |
| Đề tài | Nghiên cứu phan môi trên bám bất thường và kết quả điều trị bằng Laser Diode ở học sinh 7 - 11 tuổi | Nghiên cứu đặc điểm cận lâm sàng, chỉ định và kết quả phẫu thuật nội soi u tuyến thượng thận lạnh tính không triệu chứng | Nghiên cứu tình trạng kiểm soát hen của trẻ em hen phế quản có viêm mũi dị ứng | Hiệu quả cải thiện các chỉ số chất lượng điều trị HIV/AIDS bằng can thiệp lồng ghép mô hình quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS vào quản lý chất lượng bệnh viện tại một số tỉnh năm 2016 - 2018 |
| CN | Răng Hàm Mặt | Ngoại Thận -tiết niệu | Nhi khoa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Võ Trương Như Ngọc TS. Nguyễn Đình Phúc | PGS.TS. Nguyễn Đức Tiến | PGS.TS. Nguyễn Thị Diệu Thúy TS. Lương Cao Đồng | PGS.TS. Đào Thị Minh An |
| 14h15 | Sửa biến dạng mũi trên bệnh nhân sau mổ dị tật khe hở môi - vòm miệng một bên bằng ghép sụn sườn tự thân | Sự thay đổi lysyl oxidase trong tế bào nội mô mạch máu võng mạc ở môi trường nồng độ glucose cao | Hiệu quả điều trị dự phòng nấm bằng fluconazole trên trẻ đẻ non | Thanh toán của bảo hiểm y tế cho khám chữa bệnh đái tháo đường tip 2 ở Việt Nam năm 2017 |
| | Tạ Trung Sơn-NCS.34 | Nguyễn Ngân Hà-NCS.36 | Thái Bằng Giang-NCS.34 | Nguyễn Trọng Tài-NCS.35 |
| Đề tài | Nghiên cứu ghép sụn sườn tự thân chữa biến dạng mũi cho bệnh nhân sau mổ dị tật khe hở môi - vòm miệng một bên | Nghiên cứu đột biến gen Rb1 trên bệnh nhân U nguyên bào võng mạc và các thành viên gia đình | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng nhiễm nấm ở trẻ sơ sinh và hiệu quả điều trị dự phòng bằng Fluconazole trên trẻ đẻ non | Thực trạng phòng chống lao trẻ em và hiệu quả một số giải pháp can thiệp phòng chống lao trẻ em tại một số huyện tỉnh Nghệ An |
| CN | Răng Hàm Mặt | Nhãn khoa | Nhi khoa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Phạm Dương Châu | PGS.TS. Trần Huy Thịnh TS. Nguyễn Xuân Tịnh | PGS.TS. Khu Thị Khánh Dung | PGS.TS. Lê Văn Hợi PGS.TS. Đào Thị Minh An |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019-TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|--|---|--|---|
| 14h30 | <i>Hiệu quả tái khoáng hoá của Véc-ni Fluor 5% trên tổn thương khử khoáng men răng sữa trong thực nghiệm</i> | <i>So sánh hiệu quả hạ nhãn áp của tạo hình vùng bè chọn lọc bằng laser và travoprost 0,004% trong điều trị glôcôm góc mở nguyên phát</i> | <i>Giá trị của AFP-L3 và PIVKA-II trong tiên lượng và theo dõi điều trị khối u gan bằng nút mạch hóa chất đốt sóng cao tần</i> | <i>Kiến thức, thực hành phòng ngừa người cao tuổi tại một số xã phường Thành phố Đà Nẵng</i> |
| | Lưu Văn Tường-NCS.34 | Trần Minh Hà-NCS.34 | Đặng Trung Thành-NCS.35 | Vũ Minh Tuấn-NCS.35 |
| Đề tài | <i>Nghiên cứu bệnh sâu răng và đánh giá hiệu quả điều trị sâu răng sớm bằng Véc-ni fluor của trẻ 3 tuổi ở Thành phố Hà Nội</i> | <i>Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tạo hình vùng bè chọn lọc bằng Laser điều trị Glôcôm góc mở nguyên phát</i> | <i>Nghiên cứu giá trị cận lâm sàng trong tiên lượng và theo dõi hiệu quả điều trị ung thư gan nút mạch hóa chất kết hợp đốt sóng cao tần</i> | <i>Thực trạng và hiệu quả một số giải pháp can thiệp phòng chống té ngã ở người cao tuổi tại một số xã phường thành phố Đà Nẵng</i> |
| CN | Răng Hàm Mặt | Nhãn khoa | Nội tiêu hóa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Đào Thị Dung PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương | PGS.TS. Đào Thị Lâm Hường | PGS.TS. Trần Ngọc Ánh | PGS.TS. Nguyễn Đăng Vững TS. Nguyễn Tấn Dũng |
| 14h45 | <i>Hiệu quả của laser diode trong điều trị bệnh viêm quanh răng trên người cao tuổi</i> | <i>Đánh giá hình thái lâm sàng và nguyên nhân bong võng mạc tái phát</i> | <i>Nghiên cứu ứng dụng nội soi ruột non bóng kép trong chẩn đoán bệnh lý ruột non</i> | <i>Hiệu quả can thiệp truyền thông tự khám vú của nữ công nhân tại một số doanh nghiệp dệt may tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh</i> |
| | Trương Mạnh Nguyên-NCS33 | Bùi Hữu Quang-NCS.31 | Nguyễn Hoài Nam-NCS.34 | Đỗ Quang Tuyền-NCS.25 |
| Đề tài | <i>Nghiên cứu tình trạng viêm quanh răng ở người cao tuổi tại Hà Nội và ứng dụng điều trị viêm quanh răng bằng Laser Diode</i> | <i>Nghiên cứu phẫu thuật điều trị bong võng mạc tái phát</i> | <i>Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nội soi ruột non bóng kép trong chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa tại ruột non</i> | <i>Đánh giá hiệu quả truyền thông về phòng và phát hiện sớm bệnh ung thư vú ở một số doanh nghiệp tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh</i> |
| CN | Răng Hàm Mặt | Nhãn khoa | Nội tiêu hóa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Phạm Dương Châu | PGS.TS. Cung Hồng Sơn | GS.TS. Đào Văn Long | PGS.TS. Trần Thị Thanh Hương GS.TS. Trương Việt Dũng Dũng |

15h00

GIẢI LAO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019–TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

| THỜI GIAN | TIỂU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIỂU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|---|--|---|---|
| 15h15 | Đánh giá kết quả điều trị ULAKH vùng đầu cổ theo phác đồ RCHOP | Đánh giá kết quả hóa xạ trị đồng thời ung thư thực quản giai đoạn không mô được bằng phác đồ FOLFOX | Ứng dụng nội soi phóng đại tăng cường màu sắc đa phổ (flexible spectral imaging color enhancement polyp đại trực tràng | Thực trạng tuân thủ hướng dẫn chẩn đoán đái tháo đường típ 2 tại bệnh viện đa khoa TP Thái Bình - fice) trong dự đoán mô bệnh học tỉnh Thái Bình 2016 - 2017 |
| | Nguyễn Thanh Bình-NCS.34 | Nguyễn Quang Hưng-NCS.34 | Phạm Bình Nguyên-NCS.33 | Lê Văn Trụ-NCS.35 |
| Đề tài | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của u Lympho không Hogkin vùng đầu cổ và kết quả điều trị của phác đồ R-CHOP | Nghiên cứu điều trị ung thư thực quản giai đoạn không mô được bằng hóa xạ trị đồng thời phác đồ FOLFOX | Nghiên cứu ứng dụng của nội soi hiển vi đồng tiêu quét laser (Confocal laser endomicroscopy) trong chẩn đoán ung thư dạ dày | Thực trạng kiến thức và sự tuân thủ của bác sĩ với hướng dẫn lâm sàng điều trị bệnh đái tháo đường típ 2 và đánh giá hiệu quả một số giải pháp can thiệp |
| CN | Tai Mũi Họng | Ung thư | Nội tiêu hóa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Tống Xuân Thăng PGS.TS. Lê Trung Thọ | PGS.TS. Nguyễn Tuyết Mai TS. Võ Văn Xuân | GS.TS. Đào Văn Long PGS.TS. Trịnh Tuấn Dũng | PGS.TS. Phạm Huy Tuấn Kiệt PGS.TS. Nguyễn Văn Huy |
| 15h30 | Kết quả phẫu thuật đặt ống thông khí màng nhĩ ở bệnh nhân tạo hình vòm miệng bị viêm tai giữa ứ dịch | Kết quả bước đầu hóa trị bổ trợ phác đồ XELOX sau phẫu thuật ung thư dạ dày triệt căn | Ứng dụng kỹ thuật cắt tách dưới niêm mạc qua nội soi trong điều trị các tổn thương tân tạo ở dạ dày | Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của cán bộ Y học cổ truyền tuyển huyện tại tỉnh Thanh Hóa |
| | Khiếu Hữu Thanh-NCS.34 | Lê Thu Nga-NCS.34 | Nguyễn Thế Phương-NCS.34 | Nguyễn Thành Trung-NCS.35 |
| Đề tài | Đánh giá chức năng tai giữa trên bệnh nhân khe hở vòm miệng | Đánh giá kết quả điều trị hóa chất bổ trợ phác đồ XELOX sau phẫu thuật ung thư dạ dày triệt căn | Nghiên cứu điều trị loạn sản niêm mạc dạ dày độ cao và ung thư dạ dày giai đoạn sớm bằng kỹ thuật cắt tách dưới niêm mạc | Thực trạng và hiệu quả can thiệp đào tạo liên tục cho nhân viên y tế Khoa Y học cổ truyền tuyển Huyện tại Tỉnh Thanh Hóa |
| CN | Tai Mũi Họng | Ung thư | Nội tiêu hóa | Y tế công cộng |
| CBHD | PGS.TS. Lương Thị Minh Hương TS. Nguyễn Đình Phúc | PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phương PGS.TS. Lê Đình Roanh | CBHD: GS.TS. Đào Văn Long | TS. Nguyễn Ngô Quang GS.TS. Trương Việt Dũng |

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH LẦN THỨ XXV NĂM 2019-TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

| THỜI GIAN | TIÊU BAN 1 -HT 1, SỐ 303, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIÊU BAN 2 – HT 2, SỐ 311 TẦNG 3, NHÀ A1 | TIÊU BAN 3-HT 3, SỐ 312, TẦNG 3, NHÀ A1 | TIÊU BAN 4 - HT QUỐC TẾ, SỐ 301, TẦNG 3, NHÀ A1 |
|------------------|--|---|--|---|
| 15h45 | Khả năng phát hiện vi khuẩn gây bệnh viêm phổi liên quan thở máy thường gặp của phương pháp nuôi cấy thường quy và multiplex realtime PCR | Nhận xét giá trị CA125 và HE4 trong chẩn đoán ung thư biểu mô buồng trứng tái phát | Mối liên quan giữa đa hình gen LRP5 tại SNP Q89R (RS 41494349) với mật độ xương ở nam giới | Tăng huyết áp ở người dân tộc Dao và một số yếu tố liên quan tại huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái năm 2016 |
| Đề tài | Áp dụng realtime PCR đa môi trong chẩn đoán tác nhân vi khuẩn gây bệnh và định hướng sử dụng kháng sinh điều trị viêm phổi liên quan thở máy | Nghiên cứu giá trị của chất chỉ điểm u CA125 và HE4 trong chẩn đoán giai đoạn và theo dõi điều trị bệnh ung thư buồng trứng | Nghiên cứu tính đa hình một số gen liên quan đến loãng xương ở nam giới | Thực trạng tăng huyết áp và hiệu quả của mô hình quản lý điều trị tại huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái |
| CN | Hồi sức cấp cứu và chống độc | Ung thư | Nội xương khớp | Y tế công cộng |
| CBHD | Đinh Thị Thu Hương-NCS.35 TS. Đỗ Ngọc Sơn PGS.TS. Bùi Vũ Huy | Phan Thị Diệu Hà-NCS.33 PGS.TS. Nguyễn Văn Tuyên PGS.TS. Nguyễn Thị Hà | Nguyễn Thị Hoa-NCS.35 TS. Nguyễn Thị Thanh Hương PGS.TS. Trần Thị Minh Hoa | Trần Lan Anh-NCS.34 PGS.TS. Nguyễn Minh Sơn PGS.TS. Nguyễn Quang Tuấn |
| 16h00 | Bước đầu đánh giá đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán điện và cộng hưởng từ ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng | Đặc điểm mô bệnh học và một số yếu tố liên quan đến di căn hạch bẹn ở bệnh nhân ung thư âm hộ | Tác dụng điều trị thoái hoá khớp gối của cao lỏng ích gối kang trên thực nghiệm | Thực trạng kỹ năng làm bệnh án truyền nhiễm của sinh viên y đa khoa Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2019 và một số yếu tố liên quan |
| Đề tài | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán điện và cộng hưởng từ ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng | Đánh giá kết quả điều trị ung thư âm hộ di căn hạch bằng phẫu thuật kết hợp xạ trị gia tốc | Đánh giá độc tính và hiệu quả điều trị của cao lỏng Ích gối kang trên bệnh nhân thoái hóa khớp gối | Thực trạng dạy học lâm sàng môn truyền nhiễm và hiệu quả can thiệp bằng sử dụng bệnh án điện tử tại Đại học Y khoa Vinh |
| CN | Thần kinh | Ung thư | Y học cổ truyền | VSXHH và tổ chức YT |
| CBHD | Đỗ Tuấn Lượng-NCS.35 PGS.TS. Nguyễn Hữu Công PGS.TS. Nguyễn Văn Liệu | Lê Trí Chinh-NCS.32 PGS.TS. Nguyễn Văn Tuyên | Nguyễn Thị Bích Hồng-NCS.35 PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà | Ngô Trí Hiệp-NCS.34 PGS.TS. Trịnh Hoàng Hà TS. Nguyễn Văn Huy |
| 16h15 | | | GIẢI LAO | |
| 16h45 | | | TỔNG KẾT | |